

Bản án số: 113/2022/HS-ST
Ngày: 19/8/2022

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Lê Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Như Thủy;
2. Bà Hồ Thị Lệ Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15 và 19 tháng 8 năm 2022, tại phòng Xử án Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 76/2022/HSST ngày 04 tháng 7 năm 2022 đối với Ngô Xuân H theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 126/2022/QĐXX-HS ngày 18 tháng 7 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: Ngô Xuân H, tên gọi khác: không, sinh năm 1991; tại Nam Định; Giới tính: Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: đường A, khu phố B, thị trấn C, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: đường D, phường E, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: nhân viên lái xe; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; con ông: Ngô Văn H1 và bà Nguyễn Thị Đ; bị cáo có vợ và 01 con: sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 03/02/2021 – Có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Trần Ngọc N, sinh năm 1969; địa chỉ: đường F, phường G, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt.

- Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Nguyễn Hữu C; địa chỉ: đường A, phường E, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Quốc H2, sinh năm 1962; địa chỉ: Đường H, khu phố I, phường K, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh và bà Nguyễn Thụy Thanh T, sinh năm

1978; địa chỉ: đường H, phường L, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trên cơ sở kết quả điều tra xác định được như sau:

Ngày 05/5/2020, Chánh thanh tra sở GTVT Thành phố Hồ Chí Minh, thành lập tổ kiểm tra việc đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn của giáo viên dạy lái xe ô tô tại Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Nguyễn Hữu C, địa chỉ: đường A, phường E, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Qua công tác kiểm tra, xác minh làm rõ nguồn gốc chứng chỉ ngoại ngữ của giáo viên trong nhà trường. Kết quả xác minh: Ngày 11/6/2020, Trường ĐH Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, có Công văn số: 1040 ĐHSP-TTĐT phúc đáp Sở GTVT Thành phố Hồ Chí Minh, xác định chứng chỉ tiếng anh theo khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam của ông Ngô Xuân H, sinh ngày: 12/3/1991, số hiệu: A2657xxx cấp ngày 24/4/2017 và chứng chỉ ngoại ngữ trình độ A của Trần Ngọc N, sinh ngày 23/01/1969, số hiệu: 77xxx cấp ngày 12/8/1998 là giả mạo. Tổ kiểm tra của Thanh tra sở GTVT Thành phố Hồ Chí Minh lập biên bản làm việc, tạm giữ 02 chứng chỉ ngoại ngữ trên. Ngày 06/10/2020. Chánh thanh tra sở GTVT Thành phố Hồ Chí Minh có văn bản kiến nghị khởi tố số: 1034/TTS-TTHC chuyển đến Cơ quan CSĐT Công an Quận 7.

Quá trình điều tra xác định: Ngày 01/6/2016. Ngô Xuân H, sinh năm 1991. Nơi cư trú 495/2014 A, khu phố B, thị trấn C. huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh được Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Nguyễn Hữu C, địa chỉ số 500-502, đường A, phường E, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh nhận vào làm nhân viên lái xe. Đến khoảng đầu năm 2017, Ngô Xuân H nghe các giáo viên trong trường nói nhà trường đang rà soát lại nhân viên trong toàn trường nếu ai đủ điều kiện thì cho tham gia học lớp giáo viên dạy thực hành lái xe để làm giáo viên dạy thực hành lái xe cho nhà trường. Điều kiện để được tham gia học lớp giáo viên dạy thực hành lái xe yêu cầu bắt buộc phải có chứng chỉ ngoại ngữ trình độ A trở lên mới đủ điều kiện tham dự. Do bản thân không có chứng chỉ ngoại ngữ nên vào khoảng tháng 4/2017, Ngô Xuân H nảy sinh ý định làm giả chứng chỉ ngoại ngữ sử dụng bổ sung vào hồ sơ để được đi học lớp đào tạo giáo viên dạy thực hành lái xe nhằm được tăng lương và có thêm thu nhập, Ngô Xuân H vào mạng xã hội Facebook tìm kiếm người làm giấy tờ giả, liên lạc với 01 người nam giới (không rõ lai lịch) làm giả 01 chứng chỉ ngoại ngữ với giá 2.200.000 đồng (Hai triệu hai trăm nghìn đồng). Người nhận làm giấy tờ giả yêu cầu Ngô Xuân H cho số điện thoại để liên lạc, yêu cầu Ngô Xuân H chuyển tiền làm chứng chỉ ngoại ngữ giả vào tài khoản của người này, cung cấp thông tin của Ngô Xuân H để làm giả, Ngô Xuân H đồng ý. Sau khi chuyển tiền xong, khoảng 01 (một) tuần sau Ngô Xuân H nhận

được bưu phẩm bên trong có 01 (một) chứng chỉ tiếng anh theo khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam mang tên Ngô Xuân H, số hiệu A2657xxx cấp ngày 24/4/2017 của Trường ĐHSP Thành phố Hồ Chí Minh, với thông tin Ngô Xuân H đặt làm giả. Ngô Xuân H mang nộp chứng chỉ ngoại ngữ giả này hoàn chỉnh hồ sơ đăng ký tham gia học lớp đào tạo giáo viên dạy thực hành lái xe tại Sở GTVT Thành phố Hồ Chí Minh. Từ tháng 4/2019 đến nay Ngô Xuân H được Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Nguyễn Hữu C bố trí làm giáo viên dạy thực hành lái xe nhưng chưa bố trí cho ông H đứng lớp giảng dạy thì bị Thanh tra Sở giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh phát hiện. Do thời gian đã lâu nên Ngô Xuân H không còn lưu giữ thông tin, số điện thoại người đã làm giả giấy tờ cho Ngô Xuân H. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 7, Ngô Xuân H khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung trên.

Vật chứng thu giữ:

- 01 (Một) chứng chỉ tiếng anh theo khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam mang tên ông Ngô Xuân H, sinh ngày: 12/3/1991, số hiệu: A2657xxx cấp ngày 24/4/2017.

- 01 (Một) chứng chỉ ngoại ngữ trình độ A mang tên Trần Ngọc N, sinh ngày 23/01/1969, số hiệu: 77xxx cấp ngày 12/8/1998.

Theo Bản kết luận giám định số: 2355/KLGD-TT ngày 25/11/2020 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an TP. Hồ Chí Minh, kết luận về đối tượng giám định:

1. Chứng chỉ tiếng anh theo khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam mang tên Ngô Xuân H cần giám định ký hiệu A1 (đã nêu ở mục II.1) là giả.

2. Không đủ cơ sở kết luận Chứng chỉ ngoại ngữ trình độ A mang tên Trần Ngọc N cần giám định ký hiệu A2 (đã nêu ở mục II.1) là thật hay giả.

Đề nghị Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Quận 7 thu thập mẫu phôi, chứng chỉ, chữ ký hiệu trưởng, hình dấu tròn của Trường Đại học sư phạm thời điểm tháng 8 năm 1998 để tiếp tục giám định.

Theo Bản kết luận giám định số: 865/KLGD-TT ngày 01/02/2021 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an TP. Hồ Chí Minh, kết luận về đối tượng giám định:

1. Hình dấu tròn có nội dung “CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM — BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO - TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH” trên mẫu cần giám định ký hiệu từ A2 (đã nêu ở mục II.1) so với hình dấu tròn có nội dung "BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO - ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH – TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM" trên mẫu so sánh ký hiệu M (đã nêu ở mục II.2) không phải do cùng một con dấu đóng ra.

2. Không đủ cơ sở kết luận bản in, chữ ký mang tên Nguyễn Tấn P trên mẫu cần giám định ký hiệu A2 (đã nêu ở mục II.1) là thật hay giả do không có mẫu so sánh tương ứng.

Tại Công văn số: 290/ĐHSP-TTĐT ngày 05/02/2021 của Trường ĐHSP Thành phố Hồ Chí Minh, xác định PGS.TS Nguyễn Tấn P không giữ chức vụ Hiệu trưởng Trường ĐHSP Thành phố Hồ Chí Minh sau ngày 23/8/1996, PGS.TS Từ Kỳ, giữ chức vụ Quyền Hiệu trưởng Trường ĐHSP Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 23/8/1996 đến ngày 30/10/1998.

Tại Cơ quan Công an, Ngô Xuân H đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Bản Cáo trạng số: 114/CT-VKSQ7 ngày 28/9/2021 Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 đã truy tố bị cáo Ngô Xuân H về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức” theo Khoản 1 Điều 267 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009. Nay được quy định tại Khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Ngô Xuân H về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”; Áp dụng khoản 1 Điều 267 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Nay được quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo từ 20.000.000 (Mười triệu) đồng đến 30.000.000 (Hai mươi triệu) đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ từ 06 tháng đến 09 tháng.

Xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không tranh luận, chỉ nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử khoan hồng giảm nhẹ hình phạt để có điều kiện đi làm, chăm sóc gia đình và nuôi con còn nhỏ.

Căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên thu thập; do bị can, bị cáo, người

tham gia tố tụng khác cung cấp đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, những chứng cứ, tài liệu của vụ án được thu thập trong quá trình điều tra và tại phiên tòa là hợp pháp.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, bị cáo đều trình bày lời khai hoàn toàn tự nguyện, không bị ép cung, nhục hình. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai nhận tội của bị cáo và tại phiên tòa xét có đủ cơ sở để kết luận:

[2.1] Lời khai nhận tội của bị cáo Ngô Xuân H tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; phù hợp với các chứng cứ, tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án. Vụ án còn được chứng minh qua hoạt động điều tra như biên bản lấy lời khai, vật chứng thu giữ, kết luận giám định... cùng các chứng cứ tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Ngô Xuân H muốn trở thành giáo viên dạy thực hành lái xe, mục đích là để có thêm thu nhập cao hơn, tuy nhiên điều kiện để được tham gia học lớp giáo viên thực hành lái xe yêu cầu bắt buộc phải có chứng chỉ ngoại ngữ trình độ A trở lên mới đủ điều kiện tham dự. Do bản thân không có chứng chỉ ngoại ngữ trên nên khoảng tháng 4 năm 2017 H vào mạng xã hội Facebook để tìm và liên lạc với 01 người thanh niên (không rõ lai lịch) để làm giả 01 chứng chỉ ngoại ngữ với giá 2.200.000 (hai triệu hai trăm nghìn) đồng. Khoảng 01 tuần sau Ngô Xuân H nhận được 01 bưu phẩm bên trong có 01 chứng chỉ tiếng anh theo khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam mang tên Ngô Xuân H, số hiệu: A2657xxx cấp ngày 24/4/2017 của trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh. Ngô Xuân H sử dụng chứng chỉ giả trên để nộp, hoàn chỉnh hồ sơ đăng ký tham gia học lớp đào tạo giáo viên dạy thực hành lái xe tại Sở Giao thông Vận tải Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ Bản kết luận giám định số: 2355/KLGD-TT ngày 25/11/2020 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an TP. Hồ Chí Minh, kết luận về đối tượng giám định: Chứng chỉ tiếng anh theo khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam mang tên Ngô Xuân H, sinh ngày: 12/3/1991, số hiệu: A2657xxx cấp ngày 24/1/2017 là giả.

[2.2] Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 167 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009). Điều luật có nội dung:

“1. Người nào làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức hoặc sử dụng con dấu, tài liệu, giấy tờ đó nhằm lừa dối cơ quan, tổ chức hoặc công dân, thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm triệu đồng hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”

Hành vi trên của bị cáo cũng đã đủ yếu tố cấu thành tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" được quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Điều luật có nội dung:

“1. Người nào làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức hoặc sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ giả thực hiện hành vi trái pháp luật, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 02 năm”.

Căn cứ khoản 2 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định: *“Điều luật quy định một tội phạm mới, một hình phạt nặng hơn, một tình tiết tăng nặng mới hoặc hạn chế phạm vi áp dụng án treo, miễn trách nhiệm hình sự, loại trừ trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt, giảm hình phạt, xóa án tích và quy định khác không có lợi cho người phạm tội, thì không được áp dụng đối với hành vi phạm tội đã thực hiện trước khi điều luật đó có hiệu lực thi hành.”.*

Căn cứ điểm c, khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội quy định:

“Điều 2. Việc áp dụng Bộ luật hình sự năm 2015

1. Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2018, Bộ luật Hình sự năm 2015 được áp dụng như sau:

c) Tội phạm mới quy định tại các Điều 147, 154, 167, 187, 212, 213, 214, 215, 216, 217, 217a, 218, 219, 220, 221, 222, 223, 224, 230, 234, 238, 285, 291, 293, 294, 297, 301, 302, 336, 348, 388, 391, 393 và 418 của Bộ luật Hình sự năm 2015; các điều luật bổ sung hành vi phạm tội mới, các điều luật quy định một hình phạt mới, một hình phạt nặng hơn, một tình tiết tăng nặng mới; các điều luật quy định hạn chế phạm vi miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt, giảm hình phạt, xóa án tích và các quy định khác không có lợi cho người phạm tội thì không áp dụng đối với những hành vi phạm tội xảy ra trước 0 giờ 00 phút ngày 01 tháng 01 năm 2018 mà sau thời điểm đó mới bị

phát hiện, đang bị điều tra, truy tố, xét xử hoặc đối với người đang được xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt, xóa án tích; trong trường hợp này, vẫn áp dụng quy định tương ứng của các văn bản quy phạm pháp luật về hình sự có hiệu lực trước 0 giờ 00 phút ngày 01 tháng 01 năm 2018 để giải quyết;

Như vậy, so sánh giữa Điều 267 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 và Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và căn cứ vào Nghị Quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội thì thấy: Điều 267 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 và Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 đều quy định loại hình phạt chính nặng nhất như nhau (về mức tối đa và mức tối thiểu), nhưng tại Khoản 1 Điều 267 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 quy định hình phạt chính khác là phạt tiền nhẹ hơn Khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Vì vậy, xét thấy để đảm bảo nguyên tắc có lợi cho bị cáo, Hội đồng xét xử sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 267 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009, để xét xử và quyết định hình phạt đối với bị cáo như Viện kiểm sát truy tố là phù hợp với các quy định của pháp luật.

[3] Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, mục đích phạm tội là muốn có tiền tăng thêm thu nhập. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc làm của mình là sai trái, là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý phạm tội. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã xâm phạm vào trật tự quản lý hành chính và hoạt động đúng đắn, bình thường của cơ quan, tổ chức được Nhà nước giao chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định, mà còn làm mất trật tự trị an tại địa phương. Do đó, khi lượng hình cần buộc bị cáo chịu mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nhằm răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa ngày hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình công tác bị cáo được tặng nhiều Giấy khen của Hiệu trưởng Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Nguyễn Hữu C (Giấy khen đã thực hiện tốt phong trào thi đua “phục vụ tốt” học kỳ II năm học 2017-2018; Giấy khen đã có thành tích đột xuất trong công tác phòng chống bão số 9 (Usagi), bảo vệ tài sản của nhà trường). Do vậy, bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s, v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Hội đồng xét xử xét thấy, hành vi của bị cáo là bóc đồng thiếu suy nghĩ chỉ vì muốn có việc làm ổn định để kiếm thêm thu nhập, lo cho cuộc sống gia đình. Bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, tuổi đời còn trẻ, có công việc ổn

định, có nơi cư trú rõ ràng; kể từ khi được tại ngoại đến nay bị cáo chấp hành tốt quy định pháp luật.

Như vậy, bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, xét thấy bị cáo có công việc ổn định, có khả năng kinh tế, thu nhập từ lương đủ đảm bảo để thi hành án, việc bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt khác sẽ làm tăng thêm gánh nặng cho xã hội, cũng như khó khăn thêm cho gia đình bị cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử cân nhắc áp dụng một loại hình phạt thích hợp đối với bị cáo, không cần áp dụng hình phạt tù, hình phạt cải tạo không giam giữ mà áp dụng hình phạt chính là phạt tiền cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe cũng như đảm bảo khả năng thi hành hình phạt đối với bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định cho bị cáo Ngô Xuân H được áp dụng hình phạt chính là phạt tiền.

[5] Về hình phạt bổ sung: bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, do đã áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không buộc bị cáo phải nộp phạt bổ sung.

[6] Đối với nam thanh niên (không rõ lai lịch) nhận làm bằng tiếng Anh giả cho Ngô Xuân H, do không xác định được nhân thân, lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 7 tiếp tục điều tra, làm rõ và xử lý sau.

Đối với Trần Ngọc N khai: Vào khoảng tháng 3/1998 đến tháng 6/1998, Trần Ngọc N có tham gia học lớp đào tạo ngoại ngữ trình độ A tại một Trung tâm ngoại ngữ tin học (không có tên) trên đường M, phường N, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh (có biên lai thu tiền học phí của Trung tâm nhưng đã bỏ mất) thời gian học vào buổi tối từ 19 giờ 00 phút đến 20 giờ 30 phút các ngày thứ 3, 5, 7 trong tuần. Trần Ngọc N học được khoảng 03 tháng thì Trung tâm tổ chức thi cấp chứng chỉ, Nam đã thi đỗ và được Trung tâm cấp 01 (một) chứng chỉ ngoại ngữ trình độ A mang tên Trần Ngọc N, sinh ngày: 23/01/1969, số hiệu: 77814 cấp ngày 12/8/1998. Trần Ngọc N hoàn toàn không biết đây là chứng chỉ giả. Năm 2003, N làm đơn xin việc vào Trường trung cấp kinh kỹ thuật Nguyễn Hữu C, có nộp chứng chỉ ngoại ngữ trên vào hồ sơ xin việc ban đầu mặc dù nhà trường không yêu cầu phải có chứng chỉ ngoại ngữ tại thời điểm tuyển dụng. Từ năm 2003 đến nay Nam được nhà trường bố trí làm giáo viên dạy thực hành lái xe tại trường.

Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra, xác minh địa điểm nơi Trần Ngọc N khai đã đăng ký học và thi lấy chứng chỉ ngoại ngữ, xác định: địa chỉ số đường M, phường N, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh hiện tại là Trường trung học phổ thông Năng Khiếu thuộc Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh; địa chỉ là đường L, Phường N, Quận 5 hiện tại là Trường trung học phổ thông Trần Khai Nguyên. Do đó, không đủ căn cứ xác định hành vi của Trần Ngọc N đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Căn cứ khoản 4 Điều 17 Nghị định 79/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ quy định xử phạt VPHC trong lĩnh vực

giáo dục nghề nghiệp, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận 7, đề nghị Thanh tra Sở GTVT ra Quyết định xử phạt VPHC đối với Trần Ngọc N là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Về xử lý vật chứng của vụ án: 01 (Một) chứng chỉ ngoại ngữ trình độ A mang tên Trần Ngọc N, sinh ngày 23/01/1969, số hiệu: 77xxx cấp ngày 12/8/1998 và 01 (Một) chứng chỉ tiếng anh theo khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam mang tên ông Ngô Xuân H, sinh ngày: 12/3/1991, số hiệu: A2657xxx cấp ngày 24/4/2017 là giả, là tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên tiếp tục lưu vào hồ sơ vụ án.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có yêu cầu bồi thường hay khắc phục hậu quả gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Ngô Xuân H phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

1. Áp dụng Khoản 1 Điều 167 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009); Khoản 2 Điều 7; điểm i, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt Ngô Xuân H 10.000.000 (mười triệu) đồng nộp vào ngân sách nhà nước. Thi hành một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo Ngô Xuân H.

2. Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tiếp tục lưu vào hồ sơ vụ án: 01 (Một) chứng chỉ tiếng anh theo khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam mang tên ông Ngô Xuân H, sinh ngày: 12/3/1991, số hiệu: A2657xxx cấp ngày 24/4/2017; 01 (Một) chứng chỉ ngoại ngữ trình độ A mang tên Trần Ngọc N, sinh ngày 23/01/1969, số hiệu: 77xxx cấp ngày 12/8/1998.

3. Về quyền và nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại

các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Căn cứ vào các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Luật Phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án bị cáo, đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- Sở Tư pháp Tp. HCM;
- VKSND Quận 7;
- Công an Quận 7;
- Chi cục THADS Q.7;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu: sổ án, VT, hồ sơ (TK. Thúy).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký và đóng dấu)

Đào Lê Anh